

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 03/2026/CBTT	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
V/v: Công bố thông tin báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025	Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP KASATI thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CP KASATI

- Mã chứng khoán: KST
- Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường Diên Hồng, Tp.HCM
- Điện thoại liên hệ/Tel: 08 38655343 Fax: 08 38 652487
- Email: longnguyen@kasati.com.vn
- Website: www.kasati.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☒ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không



+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có

☒ Không

Công văn giải trình đính kèm

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: ..09./03/2026 tại đường dẫn: www.kasati.com.vn

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2025:

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: Không có
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);
- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

<p>Tài liệu đính kèm:</p> <ul style="list-style-type: none">- BCTC- Văn bản giải trình	<p style="text-align: center;">Đại diện tổ chức Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)</p> <div style="text-align: center;"></div> <p style="text-align: center;">TRẦN YẾN NHI</p>
--	---

CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	08 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kasati (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Phước Hiền	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2025
Ông Tô Hoài Văn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2025
Ông Vũ Hoàng Hà	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2025
Ông Lê Phước Hiền	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2025
Ông Nguyễn Long	Thành viên	
Ông Nguyễn Công Thái	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2025
Bà Hoàng Thị Minh Phương	Thành viên độc lập	
Ông Vũ Hoàng Hà	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2025

Ban Kiểm soát

Bà Hồ Thị Kim Oanh	Trưởng ban
Ông Trần Quang Minh Mẫn	Thành viên
Ông Lê Xuân Bách	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Long	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2025
Ông Lê Phước Hiền	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2025
Ông Võ Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Thái	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2025
Ông Nguyễn Long	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2025

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Triệu Phước	Kế toán trưởng
----------------------	----------------

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Phước Hiền – giữ chức vụ Tổng Giám đốc đến ngày 24 tháng 4 năm 2025 và từ ngày này giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Lê Phước Hiền đã ủy quyền cho ông Nguyễn Long ký Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền số 33/UQ-KST ngày 24 tháng 4 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Long
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Số: 014/VACO/BCKiT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kasati

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Kasati (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 02 tháng 3 năm 2026, từ trang 04 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (dưới đây gọi chung là “Báo cáo tài chính tổng hợp”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.



Nguyễn Ngọc Thạch
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 1822-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

VACO Hà Nội

Tầng 12A, tòa nhà TCT 319, số 63 Lê Văn Lương
Phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội
Tel: (84-24) 3577 0781 - Fax: (84-24) 3577 0787

VACO Hồ Chí Minh

Lầu 10, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
Phường Gia Định, thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3840 6618 - Fax: (84-28) 3840 6616



Nguyễn Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 4262-2023-156-1

VACO Đồng Nai

Số 79 Hà Huy Giáp
Phường Trảng Bàng, tỉnh Đồng Nai
Tel: (84-251) 382 8560 - Fax: (84-251) 382 8560

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		350.030.274.314	209.004.385.592
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	77.357.131.157	44.713.438.322
1. Tiền	111		4.689.042.426	14.896.878.380
2. Các khoản tương đương tiền	112		72.668.088.731	29.816.559.942
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	1.760.659.908	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.760.659.908	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		265.419.890.723	153.758.346.761
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	243.379.156.657	118.496.783.326
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		78.495.192	558.980.183
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	22.285.385.820	35.175.647.698
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(323.146.946)	(473.064.446)
IV. Hàng tồn kho	140		4.229.865.143	10.440.765.267
1. Hàng tồn kho	141	8	9.146.984.476	18.010.931.404
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	8	(4.917.119.333)	(7.570.166.137)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.262.727.383	91.835.242
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	73.928.040	73.645.853
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.117.197.163	18.189.389
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	71.602.180	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.595.310.791	8.397.621.532
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		62.196.750	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	62.196.750	-
II. Tài sản cố định	220		4.053.891.538	2.990.288.306
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.907.823.797	2.907.079.006
- Nguyên giá	222		43.004.174.382	41.666.955.229
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.096.350.585)	(38.759.876.223)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	146.067.741	83.209.300
- Nguyên giá	228		1.032.865.959	911.885.959
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(886.798.218)	(828.676.659)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	4.900.000.000	4.900.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.900.000.000	4.900.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		579.222.503	507.333.226
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	579.222.503	507.333.226
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		359.625.585.105	217.402.007.124

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		278.016.329.491	139.695.606.445
I. Nợ ngắn hạn	310		278.016.329.491	139.695.606.445
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	226.637.528.912	80.607.100.217
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		37.698.733	1.867.338.098
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.456.824.363	2.708.671.009
4. Phải trả người lao động	314		7.136.089.287	6.629.951.420
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	35.931.815.207	37.616.256.717
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		80.920.000	487.205.833
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	6.397.607.667	9.469.829.441
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		337.845.322	309.253.710
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		81.609.255.614	77.706.400.679
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	81.609.255.614	77.706.400.679
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.920.200.000	59.920.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59.920.200.000	59.920.200.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.744.668.137	4.644.865.177
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.944.387.477	13.141.335.502
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.802.911.622	2.802.911.622
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		11.141.475.855	10.338.423.880
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		359.625.585.105	217.402.007.124



Nguyễn Long
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Đoàn Thị Triệu Phước
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thanh Thảo
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	704.999.769.611	450.864.541.619
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	1.954.817.176	109.266.420
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	19	703.044.952.435	450.755.275.199
4. Giá vốn hàng bán	11	20	662.568.144.332	419.564.764.731
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		40.476.808.103	31.190.510.468
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	3.135.852.514	6.199.909.135
7. Chi phí tài chính	22	23	6.125.899.660	1.705.304.595
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		528.634.421	131.356.153
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	25.178.215.703	22.384.271.074
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		12.308.545.254	13.300.843.934
10. Thu nhập khác	31	25	2.498.255.792	-
11. Chi phí khác	32		403.144.196	294.191.534
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.095.111.596	(294.191.534)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		14.403.656.850	13.006.652.400
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	3.262.180.995	2.668.228.520
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		11.141.475.855	10.338.423.880
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.744	1.618



Nguyễn Long
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Đoàn Thị Triệu Phước
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thanh Thảo
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	14.403.656.850	13.006.652.400
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	679.373.317	730.156.872
- Các khoản dự phòng	03	(2.802.964.304)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	517.313.475	(882.301.527)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.663.174.688)	(1.598.794.094)
- Chi phí lãi vay	06	528.634.421	131.356.153
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	11.662.839.071	11.387.069.804
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(114.479.164.541)	(77.636.290.921)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	8.863.946.928	120.016.800.918
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	137.466.481.305	(31.756.524.364)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(72.171.464)	(2.671.094)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(528.634.421)	(131.356.153)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.996.803.769)	(1.994.009.892)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	15.100.000	11.600.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(626.900.000)	(107.550.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	39.304.693.109	19.787.068.298
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1.742.976.549)	(88.550.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	148.703.704	-
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(3.414.632.188)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	8.068.377.575
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.488.542.451	1.748.777.368
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(105.730.394)	6.313.972.755
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	34.375.849.323	31.647.822.479
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(34.375.849.323)	(38.647.822.479)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.555.269.880)	(3.595.212.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.555.269.880)	(10.595.212.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	32.643.692.835	15.505.829.053
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	44.713.438.322	29.207.537.414
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	71.855
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	77.357.131.157	44.713.438.322
(70 = 50+60+61)			



Nguyễn Long
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Đoàn Thị Triệu Phước
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thanh Thảo
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kasati (“Công ty”) là doanh nghiệp được chuyển đổi theo Quyết định số 470/QĐ-TCBĐ ngày 7 tháng 6 năm 2002 của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Bưu điện (nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam) về việc chuyển Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin II thành Công ty Cổ phần. Công ty đăng ký kinh doanh lần đầu theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302826473 (số cũ là 4103001330) ngày 02 tháng 12 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 21 tháng 5 năm 2025, vốn điều lệ của Trụ sở chính Công ty là 59.920.200.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận niêm yết từ ngày 29 tháng 12 năm 2010 với mã giao dịch là KST.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 91 người (ngày 01 tháng 01 năm 2025: 79 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Lắp đặt, bảo trì, sửa chữa hệ thống viễn thông, mạng máy tính (trừ tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Xây lắp, bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị viễn thông, tin học và điện tử;
- Dịch vụ thông tin qua điện thoại;
- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông; Cung cấp thông tin lên mạng internet; Dịch vụ cung cấp giá trị gia tăng trên mạng viễn thông – mạng internet; Đại lý truy cập, xử lý, trao đổi dữ liệu và thông tin lên mạng internet (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ internet, trò chơi điện tử tại trụ sở). Dịch vụ viễn thông, tin học công cộng trong nước và quốc tế. Cung cấp dịch vụ truy cập Internet (ISP), cung cấp các dịch vụ ứng dụng internet trong viễn thông (OSP);
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- Sửa chữa nhà;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe gắn máy;
- Mua bán xe ô tô, xe có động cơ;
- Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô, xe có động cơ, xe gắn máy, máy móc – phụ tùng – các bộ phận phụ trợ của xe ô tô, xe gắn máy;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô, xe có động cơ;
- Quảng cáo;
- Sản xuất và lắp ráp các loại thiết bị điện tử, tin học;
- Kinh doanh phần mềm tin học;
- Kinh doanh bất động sản. Cho thuê nhà ở, văn phòng. Cho thuê kho bãi;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: trang trí nội, ngoại thất;
- Sản xuất, gia công và lắp đặt các sản phẩm cơ khí, trụ tháp ăngten (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh vật tư, thiết bị và sản phẩm ngành viễn thông, tin học và điện tử. Mua bán vật tư thiết bị điện, máy phát điện, hàng điện lạnh;
- Sản xuất và lắp ráp các loại thiết bị viễn thông;
- Xây dựng các công trình viễn thông, tin học và điện tử. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Lắp đặt, bảo trì, sửa chữa hệ thống điện lạnh, điện công nghiệp và dân dụng (trừ phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Cho thuê thiết bị mạng-viễn thông-tin học -điện-điện tử và điện lạnh;
- Mua bán vật liệu xây dựng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới thương mại;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Chuyển giao công nghệ ngành viễn thông, tin học và điện tử;
- Mua bán xe gắn máy;
- Vận tải hành khách đường bộ nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Mua bán máy móc, phụ tùng-các bộ phận phụ trợ của xe gắn máy;
- Mua bán máy móc ngành xây dựng;
- Hoạt động giao nhận hàng hóa. Đại lý làm thủ tục hải quan;
- Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động.

Hoạt động chính của Công ty là xây lắp, bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị viễn thông, tin học và điện tử, kinh doanh vật tư, thiết bị và sản phẩm ngành viễn thông, tin học và điện tử và cho thuê văn phòng, kho bãi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty liên kết				
Công ty CP Kasaco	Thành phố Hồ Chí Minh	49	49	Dịch vụ cho thuê hệ thống và phần mềm; Dịch vụ tư vấn, tuyển chọn và đào tạo điện thoại viên

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc không có tư cách pháp nhân

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP Kasati tại Hà Nội	Số 24, Tập thể Đài phát thanh Mễ Trì, Tổ dân phố số 1, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty CP Kasati tại Đà Nẵng	38 Tạ Mỹ Duật, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu năm trước so sánh được với số liệu năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí trả trước (Tiếp theo)

Chi phí bảo hiểm: Các chi phí bảo hiểm ô tô và các loại bảo hiểm khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu dụng ước tính (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	12
Máy móc, thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	12
Thiết bị dụng cụ quản lý	04
TSCĐ hữu hình khác	04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm máy tính: Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm kế toán) chia cho số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan trong năm:

Bên liên quan

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện
Tổng Công ty Hạ tầng mạng
Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông
Tổng Công ty Truyền thông
Các Trung tâm Viễn thông thuộc VNPT
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông
Công ty TNHH Sản xuất Thiết Bị Viễn Thông
Công ty Cổ phần Thiết kế Viễn thông Tin học Đà Nẵng
Công ty TNHH Thiết bị Viễn thông ANSV
Công ty Cổ phần Vật tư Bưu điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Viễn thông Đồng Tháp
Công ty Cổ phần Viễn thông VTC
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Bưu điện
Công ty Cổ phần Kasaco
Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng và các thành viên có quan hệ mật thiết với các thành viên này.

Mối quan hệ

Bên góp vốn
Bên góp vốn
Đơn vị trực thuộc VNPT
Đơn vị trực thuộc VNPT
Đơn vị trực thuộc VNPT
Đơn vị trực thuộc VNPT
Công ty con của VNPT
Công ty con của VNPT
Công ty con của VNPT
Công ty con của VNPT
Công ty con của VNPT
Công ty con của VNPT
Đơn vị có vốn góp của VNPT
Công ty liên kết
Nhân sự quản lý chủ chốt và các thành viên có quan hệ mật thiết

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	377.395.578	411.469.703
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.311.646.848	14.485.408.677
Các khoản tương đương tiền (i)	72.668.088.731	29.816.559.942
Cộng	77.357.131.157	44.713.438.322

- (i) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng, lãi suất dao động từ 3,0% - 3,7%/năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được đảm bảo thanh toán để thực hiện các hợp đồng lắp đặt, bảo dưỡng phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn
- Tiền gửi có năm hạn

Số cuối năm		Số đầu năm	
Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
VND	VND	VND	VND
1.760.659.908	1.760.659.908	-	-
1.760.659.908	1.760.659.908	-	-

- b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Kasaco

Cộng

Số cuối năm		Số đầu năm	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Giá trị hợp lý		Giá trị hợp lý	
VND	VND	VND	VND
4.900.000.000	-	4.900.000.000	-
4.900.000.000	-	4.900.000.000	-

(*) Giá trị hợp lý:

Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp do không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của nó.

Thông tin bổ sung

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305339252 thay đổi lần thứ 10 ngày 11 tháng 10 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty CP Kasaco 4.900.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 4.900.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ (số đầu năm là 4.900.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ).

Tình hình hoạt động của công ty liên doanh, liên kết

Trong năm, Công ty Cổ phần Kasaco hoạt động kinh doanh có lãi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty Cổ phần Kasaco đang lãi lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	212.799.004.194	91.332.189.883
Tổng Công ty Hạ tầng mạng	203.428.478.855	31.400.022.769
Công ty Cổ phần Cokyvina	5.243.273.100	30.289.029.600
Công ty Cổ phần Vật tư Bưu điện	1.827.330.480	27.990.573.440
Các Trung tâm Viễn thông thuộc VNPT	2.177.161.759	1.652.564.074
Công ty Cổ phần Kasaco	122.760.000	-
b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	30.580.152.463	27.164.593.443
Tổng Công ty Viễn thông Mobifone và các đơn vị trực thuộc	17.528.493.477	20.165.931.614
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật	6.753.605.516	-
Công ty Cổ phần TM và Đầu tư Công Nghệ Interland	323.146.946	473.064.446
Các khách hàng khác	5.974.906.524	6.525.597.383
Cộng	243.379.156.657	118.496.783.326

7. PHẢI THU NGẮN HẠN/DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	22.285.385.820	35.175.647.698
Chi hộ Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam - Bên liên quan	-	18.800.000
Tạm ứng nhân viên	21.098.074.403	13.913.153.091
Ký cược, ký quỹ (i)	1.006.276.327	21.078.761.362
Lãi dự thu	180.192.813	154.264.280
Phải thu khác	842.277	10.668.965
b) Dài hạn	62.196.750	-
Ký cược, ký quỹ (i)	62.196.750	-

- (i) Các khoản ký quỹ ký cược ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được dùng để đảm bảo thanh toán để thực hiện các hợp đồng lắp đặt, bảo dưỡng phát sinh trong năm, ngoài ra còn dùng để ký quỹ cho các hợp đồng mua ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.601.265.052	(4.596.118.020)	6.909.999.345	(6.792.270.102)
Chi phí SXKD dở dang (i)	4.202.961.159	-	10.292.401.717	-
Thành phẩm	-	-	456.894.722	(456.894.722)
Hàng hóa	342.758.265	(321.001.313)	351.635.620	(321.001.313)
Cộng	9.146.984.476	(4.917.119.333)	18.010.931.404	(7.570.166.137)

- (i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là giá trị chi phí thực tế phát sinh của các dự án, công trình lắp đặt, bảo dưỡng còn dở dang tại 31 tháng 12 năm 2025. Phần lớn chi phí dở dang này liên quan đến các dự án “Trang bị vật tư dự phòng cho mạng Mane Huawei năm 2025” và “Trang thiết bị hệ thống nhận thực hiện thiết bị Entitlement Server cho Công ty Cổ Phần Potmasco (VNPT NET)”.

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.653.046.804 VND, tương ứng với số hàng tồn kho thực hiện thanh lý với giá gốc là 2.765.780.965 VND.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	73.928.040	73.645.853
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	39.360.389	44.742.593
Chi phí sửa chữa	5.901.390	-
Chi phí bảo hiểm	28.666.261	28.903.260
b) Dài hạn	579.222.503	507.333.226
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	315.591.809	342.999.882
Chi phí sửa chữa	261.532.080	164.333.344
Các khoản khác	2.098.614	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

10. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	10.872.785.090	23.263.063.754	5.639.480.779	1.772.005.436	119.620.170	41.666.955.229
- Mua trong năm	-	-	1.561.811.364	60.185.185	-	1.621.996.549
- Thanh lý, nhượng bán	-	(58.000.000)	-	(226.777.396)	-	(284.777.396)
Số dư cuối năm	10.872.785.090	23.205.063.754	7.201.292.143	1.605.413.225	119.620.170	43.004.174.382
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	10.823.712.416	23.209.469.283	2.887.047.620	1.720.026.734	119.620.170	38.759.876.223
- Khấu hao trong năm	49.072.674	43.672.461	476.947.306	51.559.317	-	621.251.758
- Thanh lý, nhượng bán	-	(58.000.000)	-	(226.777.396)	-	(284.777.396)
Số dư cuối năm	10.872.785.090	23.195.141.744	3.363.994.926	1.544.808.655	119.620.170	39.096.350.585
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	49.072.674	53.594.471	2.752.433.159	51.978.702	-	2.907.079.006
Tại ngày cuối năm	-	9.922.010	3.837.297.217	60.604.570	-	3.907.823.797

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 37.496.516.824 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 36.703.242.047 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm quản lý	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	911.885.959	911.885.959
- Mua trong năm	120.980.000	120.980.000
Số dư cuối năm	1.032.865.959	1.032.865.959
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	828.676.659	828.676.659
- Khấu hao trong năm	58.121.559	58.121.559
Số dư cuối năm	886.798.218	886.798.218
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	83.209.300	83.209.300
Tại ngày cuối năm	146.067.741	146.067.741

Nguyên giá của tài sản vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 625.505.959 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2025: 625.505.959 VND).

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán là các bên liên quan	66.823.135	66.823.135	362.623.256	362.623.256
Công ty Cổ phần Viễn thông	66.823.135	66.823.135	362.623.256	362.623.256
Tin học Bưu điện				
b) Phải trả người bán là các đối tượng khác	226.570.705.777	226.570.705.777	80.244.476.961	80.244.476.961
Lotus International Corporation Limited	55.077.543.599	55.077.543.599	-	-
Huawei International Pte.Ltd	131.615.360.405	131.615.360.405	33.954.891.840	33.954.891.840
Hợp tác xã Vận tải 9	9.453.621.116	9.453.621.116	9.126.031.760	9.126.031.760
Công ty TNHH Orange Plus	-	-	14.494.204.800	14.494.204.800
Công ty Cổ phần Telsoft	4.150.200.000	4.150.200.000	9.961.500.000	9.961.500.000
Các đối tượng khác	26.273.980.657	26.273.980.657	12.707.848.561	12.707.848.561
Cộng	226.637.528.912	226.637.528.912	80.607.100.217	80.607.100.217

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	(71.602.180)	71.602.180
Cộng	-	-	(71.602.180)	71.602.180
b) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.721.791.293	45.939.467.227	(47.502.814.143)	158.444.377
Thuế xuất, nhập khẩu	-	11.292.937	(11.292.937)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	773.951.281	3.262.180.995	(2.996.803.769)	1.039.328.507
Thuế thu nhập cá nhân	212.928.435	808.120.841	(761.997.797)	259.051.479
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	12.393.886.260	(12.393.886.260)	-
Các loại thuế khác	-	1.100.329.274	(1.100.329.274)	-
Cộng	2.708.671.009	63.717.670.871	(64.767.124.180)	1.456.824.363

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trích trước chi phí bảo dưỡng, lắp đặt công trình	35.931.815.207	37.616.256.717
Cộng	35.931.815.207	37.616.256.717

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	65.499.340	21.119.300
Bảo hiểm xã hội	30.744.318	31.122.730
Bảo hiểm y tế	668.340	668.340
Bảo hiểm thất nghiệp	24.952.490	24.952.490
Nhận ký quỹ, ký cược	1.669.850.000	1.580.206.000
Phải trả chi phí các công trình	4.581.209.891	7.804.772.708
Phải trả khác	24.683.288	6.987.873
Cộng	6.397.607.667	9.469.829.441

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	59.920.200.000	3.024.805.255	8.362.564.373	71.307.569.628
Lợi nhuận trong năm	-	-	10.338.423.880	10.338.423.880
Trích quỹ Đầu tư phát triển	-	1.620.059.922	(1.620.059.922)	-
Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	(344.380.829)	(344.380.829)
Chia cổ tức	-	-	(3.595.212.000)	(3.595.212.000)
Số dư đầu năm nay	59.920.200.000	4.644.865.177	13.141.335.502	77.706.400.679
Lợi nhuận trong năm	-	-	11.141.475.855	11.141.475.855
Trích quỹ Đầu tư phát triển (i)	-	3.099.802.960	(3.099.802.960)	-
Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(640.391.612)	(640.391.612)
Thưởng HĐQT và BKS (i)	-	-	(42.959.428)	(42.959.428)
Chia cổ tức (i)	-	-	(6.555.269.880)	(6.555.269.880)
Số dư cuối năm nay	59.920.200.000	7.744.668.137	13.944.387.477	81.609.255.614

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	640.391.612 VND;
- Trích Quỹ đầu tư phát triển:	3.099.802.960 VND;
- Thưởng HĐQT, BKS:	42.959.428 VND;
- Chia cổ tức:	6.555.269.880 VND;

Cổ tức đã được chi trả trong năm nay là 6.555.269.880 VND (năm trước là 3.595.212.000 VND).

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.992.020	5.992.020
- Cổ phiếu phổ thông	5.992.020	5.992.020
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.992.020	5.992.020
- Cổ phiếu phổ thông	5.992.020	5.992.020
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 21 tháng 5 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 59.960.100.000 VND. Chi tiết vốn như sau:

Cổ đông	Vốn đã góp			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND
Tập đoàn Bru chính Viễn Thông Việt Nam	33,88%	20.300.000.000	33,88%	20.300.000.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bru điện	21,30%	12.761.800.000	21,30%	12.761.800.000
Các cổ đông khác	44,82%	26.858.400.000	44,82%	26.858.400.000
Cộng	100,00%	59.920.200.000	100,00%	59.920.200.000

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	1.861,36	1.871,32

18. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc, khu vực miền Trung và khu vực miền Nam. Hoạt động của Công ty trong 3 khu vực này không có khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là công trình viễn thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

19. DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa	554.097.940.403	235.617.198.080
Doanh thu cung cấp dịch vụ	150.901.829.208	215.247.343.539
Cộng	704.999.769.611	450.864.541.619
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	1.385.670.000	103.700.000
Giảm giá hàng bán	569.147.176	5.566.420
Cộng	1.954.817.176	109.266.420
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	703.044.952.435	450.755.275.199
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan:	593.472.440.346	351.395.955.662
Công ty Cổ phần Kasaco	446.400.000	436.200.000
Tổng Công ty Hạ tầng mạng	545.486.344.803	235.240.762.594
Công ty Cổ phần Cokyvina	45.282.917.122	114.624.976.878
Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam	292.800.000	-
Các Trung tâm Viễn thông thuộc VNPT	1.963.978.421	1.094.016.190

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa đã bán	534.570.038.618	226.308.285.871
Giá vốn cung cấp dịch vụ đã cung cấp	130.651.152.518	193.256.478.860
Trích/ (Hoàn nhập) dự phòng hàng tồn kho	(2.653.046.804)	-
Cộng	662.568.144.332	419.564.764.731

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.265.729.001	27.200.544.946
Chi phí nhân công	27.227.193.708	26.376.040.711
Chi phí khấu hao tài sản cố định	679.373.317	730.156.872
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.096.021.959	131.365.365.075
Trích/ (Hoàn nhập) dự phòng	(2.802.964.304)	-
Chi phí khác bằng tiền	51.050.163.987	40.226.536.255
Cộng	196.515.517.668	225.898.643.859

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.269.470.984	1.598.794.094
Cổ tức, lợi nhuận được chia - Bên liên quan	245.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.621.381.530	4.601.115.041
Cộng	3.135.852.514	6.199.909.135

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	528.634.421	131.356.153
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.597.265.239	1.573.948.442
Cộng	6.125.899.660	1.705.304.595

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	15.533.079.951	13.738.918.882
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.463.390.843	1.715.204.603
Chi phí khấu hao TSCĐ	586.628.182	519.287.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.287.559.639	1.667.182.785
Trích/ (Hoàn nhập) chi phí dự phòng	(149.917.500)	-
Các khoản chi phí QLDN khác	5.457.474.588	4.743.677.212
Cộng	25.178.215.703	22.384.271.074

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	148.703.704	-
Xử lý công nợ (i)	2.135.756.717	-
Các khoản khác	213.795.371	-
Cộng	2.498.255.792	-

- (i) Trong năm, Công ty thực hiện hoàn nhập khoản trích trước liên quan đến chi phí thuê đất đã được ghi nhận vào các năm trước theo Tờ trình số 01/KST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Phòng Tài chính kế toán đã được Tổng Giám đốc phê duyệt.

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	14.403.656.850	13.006.652.400
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>544.672.793</i>	<i>334.490.201</i>
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(245.000.000)</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	14.703.329.643	13.341.142.601
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	2.940.665.929	2.668.228.520
Truy thu thuế TNDN các năm trước	321.515.066	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.262.180.995	2.668.228.520

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.141.475.855	10.338.423.880
Trừ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	(688.804.677)	(640.391.612)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.452.671.178	9.698.032.268
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.992.020	5.992.020
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.744	1.618

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2024 cho Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 640.391.612 VND.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 được ước tính dựa trên tỷ lệ hoàn thành kế hoạch sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(77.357.131.157)	(44.713.438.322)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	81.609.255.614	77.706.400.679
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	77.357.131.157	44.713.438.322
Phải thu khách hàng và phải thu khác	244.243.321.128	139.759.277.933
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.760.659.908	-
Cộng	323.361.112.193	184.472.716.255
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	232.913.272.091	89.999.066.798
Chi phí phải trả	35.931.815.207	37.616.256.717
Cộng	268.845.087.298	127.615.323.515

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán như trình bày tại thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu, hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	77.357.131.157	-	77.357.131.157
Phải thu khách hàng và phải thu khác	244.181.124.378	62.196.750	244.243.321.128
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.760.659.908	-	1.760.659.908
Cộng	323.298.915.443	62.196.750	323.361.112.193
Số cuối năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	232.913.272.091	-	232.913.272.091
Chi phí phải trả	35.931.815.207	-	35.931.815.207
Cộng	268.845.087.298	-	268.845.087.298
Chênh lệch thanh khoản thuần	54.453.828.145	62.196.750	54.516.024.895
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.713.438.322	-	44.713.438.322
Phải thu khách hàng và phải thu khác	139.759.277.933	-	139.759.277.933
Cộng	184.472.716.255	-	184.472.716.255
Số đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	89.999.066.798	-	89.999.066.798
Chi phí phải trả	37.616.256.717	-	37.616.256.717
Cộng	127.615.323.515	-	127.615.323.515
Chênh lệch thanh khoản thuần	56.857.392.740	-	56.857.392.740

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty không có rủi ro thanh khoản. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

29. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Ngoài số dư và giao dịch với các bên liên quan đã trình bày tại thuyết minh số 5, 6, 7, 12, 16, 19, và 22; trong năm, Công ty còn có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam		
Nhận tiền để chi hộ tiền thưởng	76.960.000	92.300.000
Chi hộ tiền thưởng	58.160.000	92.300.000
Chi trả cổ tức	2.220.820.000	1.218.000.000
Công ty Cổ phần Cokyvina		
Thu tiền cung cấp dịch vụ	74.663.080.666	102.255.700.949
Hoàn trả tiền thuế GTGT đối với doanh thu cung cấp dịch vụ	-	273.272.154

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

29. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Giao dịch với Bên liên quan (Tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kasaco		
Thu tiền cung cấp dịch vụ	368.280.000	652.080.000
Chia cổ tức	245.000.000	-
Thu tiền cổ tức	245.000.000	-
Mua dịch vụ	2.354.600.000	1.915.680.000
Thanh toán tiền mua dịch vụ	2.802.168.000	2.068.934.400
Tổng Công ty Hạ tầng mạng (VNPT-Net)		
Thu tiền cung cấp hàng hóa và dịch vụ	408.013.108.858	247.145.875.628
Chiết khấu thương mại	1.385.670.000	-
Phạt chậm tiến độ giao hàng	-	11.898.733
Các Trung tâm Viễn thông thuộc VNPT		
Mua dịch vụ	-	-
Thu tiền cung cấp hàng hóa và dịch vụ	1.275.246.557	645.518.794
Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện		
Mua hàng	-	783.110.120
Thanh toán tiền hàng	295.800.121	498.797.876

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng được hưởng trong năm như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
I.	Hội đồng Quản trị		378.600.319	364.200.487
1.	Tô Hoài Văn	Chủ tịch	41.328.251	95.904.863
2.	Lê Phước Hiền	Chủ tịch	104.069.095	73.524.894
3.	Đỗ Quang Khánh	Phó chủ tịch	-	22.616.000
4.	Vũ Hoàng Hà	Phó chủ tịch	82.754.281	44.272.910
5.	Nguyễn Long	Thành viên	75.224.346	63.940.910
6.	Hoàng Thị Minh Phương	Thành viên	75.224.346	63.940.910
7.	Nguyễn Công Thái	Thành viên	50.149.564	-
II.	Ban Kiểm soát		437.869.695	343.855.475
1.	Hồ Thị Kim Oanh	Trưởng Ban	362.630.349	279.927.573
2.	Trần Quang Minh Mẫn	Thành viên	37.619.673	31.963.951
3.	Lê Xuân Bách	Thành viên	37.619.673	31.963.951
III.	Ban Tổng Giám đốc		2.561.738.000	1.849.539.751
1.	Lê Phước Hiền	Tổng Giám đốc	978.280.000	694.019.531
2.	Nguyễn Long	Tổng Giám đốc	852.919.000	596.007.000
3.	Võ Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	730.539.000	559.513.220
4.	Nguyễn Công Thái	Phó Tổng Giám đốc	328.071.364	-
IV.	Kế toán trưởng		586.540.000	408.210.513
	Đoàn Thị Triệu Phước	Kế toán trưởng	586.540.000	408.210.513
	Cộng		3.964.748.014	2.965.806.226

856-C
NHÂN
HỒ HỘ C
ÔNG T
NHIỆM H
M TOA
ACI
HỒ HC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 180.192.813VND (năm trước là 154.264.280 VND) là số tiền lãi dự thu của các khoản tiền gửi tiết kiệm phát sinh trong năm nhưng chưa thu được tại ngày cuối năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng với số chênh lệch đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.



Nguyễn Long
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Đoàn Thị Triệu Phước
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thanh Thảo
Người lập biểu

